TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM GDQP&AN

Số: 183 /QĐ-TTGDQP&AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận đã hoàn thành Chương trình GDQP&AN cho sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng - Đợt 154 Năm học 2022-2023

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTB&XH ngày 05/11/2015 của liên Bộ: BQP, BGDĐT, BLĐTB&XH về việc Quy định tổ chức, hoạt động của Trung tâm GDQP&AN; liên kết GDQP&AN của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP ngày 24/8/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động thương Binh và Xã hội về việc quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 09 năm 2015 về việc Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-ĐHHP ngày 10/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Hải Phòng;

Thực hiện Kế hoạch GDQP&AN cho sinh viên năm học 2022-2023;

Xét kết quả kiểm tra các học phần GDQP&AN của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng - Đợt 154 học tập môn học GDQP&AN tại Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phòng Đào tạo, Quản lý sinh viên Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đã hoàn thành chương trình môn học GDQP&AN cho tổng số 131 sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng - Đợt 154 học tập môn GDQP&AN tại Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Hải Phòng năm học 2022-2023 *(Có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Đào tạo, Quản lý sinh viên Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, các Phòng, Khoa, liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban GĐ;
- PĐT,QLSV;
- Trường CĐ Y TẾ HP;
- Lưu VT, TTGDQP&AN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC QUÂN SỰ

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Đại tá Phạm Đình Thắng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM GDQP&AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN HỌC GDQP&AN
ĐỢT 154 - TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG
NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm kiểm tra				Điểm TBC điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra kết thúc môn học		Điểm tổng kết môn học	Xếp loại
				Điểm T.xuyên		Điểm Định kỳ			Học phần Q.Sự	Học phần C.Trị		
				Q.Sự	C.Tri	Q.Sự	C.Tri					
I	**CAO ĐẲNG DƯỢC 7H**											
1	Trần Đức Hảo	26/12/2003	Nam	9	8	9	8	8,5	9	8	8,5	Giỏi
2	Lương Thị Nhật Hằng	15/10/1991	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	10	9,0	Giỏi
3	Đỗ Thị Hợp	06/06/1990	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
4	Nguyễn Thị Huệ	02/06/1993	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	8	8,3	Giỏi
5	Nguyễn Thị Huyền	14/02/2001	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	10	8,9	Giỏi
6	Nguyễn Thị Liên	28/05/1984	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	8	8,3	Giỏi
7	Trần Thị Liễu	05/06/1994	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	7	8,0	Giỏi
8	Nguyễn Thị Châu Loan	19/10/1983	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
9	Nguyễn Thị Phương Loan	25/02/1993	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	9	8,3	Giỏi
10	Đào Thị Như Mai	03/04/2002	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	8	8,0	Giỏi
11	Nguyễn Tuyết Mai	09/07/2001	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
12	Nguyễn Bích Ngọc	01/11/1995	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
13	Đỗ Thị Nhàn	20/07/1999	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	8	8,3	Giỏi
14	Đoàn Thị Oanh	07/08/1987	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	10	8,6	Giỏi
15	Vũ Thị Mai Phương	06/02/1996	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
16	Phạm Thị Thảnh	10/06/1981	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
17	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/03/2001	Nữ	8	7	8	7	7,5	7	10	8,1	Giỏi
18	Đinh Thị Thanh Xuân	19/02/1990	Nữ	8	7	8	7	7,5	9	9	8,4	Giỏi
II	**CAO ĐẲNG DƯỢC 8A**											
19	Vũ Linh Chi	04/11/1996	Nữ	8	9	8	9	8,5	8	9	8,5	Giỏi

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm kiểm tra				Điểm TBC điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra kết thúc môn học		Điểm tổng kết môn học	Xếp loại
				Điểm T.xuyên		Điểm Định kỳ			Học phần Q.Sự	Học phần C.Trị		
				Q.Sự	C.Tri	Q.Sự	C.Tri					
20	Vũ Thị Mai Hằng	02/12/1981	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
21	Nguyễn Thị Thảo Hiền	21/07/1998	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
22	Nguyễn Thị Phương Hoa	11/08/1992	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
23	Hoàng Doãn Hùng	05/10/1991	Nam	8	8	8	8	8,0	8	8	8,0	Giỏi
24	Bùi Thị Thanh Huyền	16/04/1996	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
25	Nguyễn Quang Khánh	18/09/1996	Nam	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
26	Nguyễn Thị Hương Lan	09/02/1994	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	9	8,3	Giỏi
27	Nguyễn Thùy Liên	18/04/1991	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	10	8,9	Giỏi
28	Trần Nguyễn Phương Liễu	21/02/1992	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	9	8,5	Giỏi
29	Nguyễn Văn Linh	13/09/2001	Nam	9	7	9	7	8,0	8	8	8,0	Giỏi
30	Đồng Thị Mai	20/02/1988	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	9	8,7	Giỏi
31	Hoàng Kim Ngân	05/01/1985	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	10	9,0	Giỏi
32	Lê Thị Nhớ	28/02/1990	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	8	8,2	Giỏi
33	Trương Thị Kiều Oanh	23/01/1995	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
34	Bùi Hồng Quân	19/03/1975	Nam	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
35	Đinh Thị Như Quỳnh	30/05/2002	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	10	8,6	Giỏi
36	Nguyễn Thị Trang Quỳnh	24/02/2003	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	6	7,6	Khá
37	Hoàng Tiến Sơn	09/11/1999	Nam	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
38	Nguyễn Thị Mai Thanh	06/11/1990	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
39	Trương Thị Thảo	12/10/2001	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	8	8,0	Giỏi
40	Phạm Thị Tiệp	28/03/1988	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	9	8,5	Giỏi
41	Bùi Thị Thúy Vân	07/04/1987	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
42	Lê Thị Vân	09/11/1995	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	9	8,5	Giỏi
43	Nguyễn Thị Vân	06/11/2000	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	10	8,6	Giỏi
44	Phạm Thị Thanh Xuân	13/09/1990	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	7	7,7	Khá
45	Đỗ Thị Ngọc Yến	01/01/2001	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	10	8,4	Giỏi

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm kiểm tra				Điểm TBC điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra kết thúc môn học		Điểm tổng kết môn học	Xếp loại
				Điểm T.xuyên		Điểm Định kỳ			Học phần Q.Sự	Học phần C.Trị		
				Q.Sự	C.Tri	Q.Sự	C.Tri					
III	**CAO ĐẲNG DƯỢC 8B**											
46	Bùi Phương Anh	12/01/1995	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	9	8,7	Giỏi
47	Nguyễn Huyền Anh	31/07/2003	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	9	8,6	Giỏi
48	Ninh Thị Vân Anh	11/05/1993	Nữ	8	8	8	8	8,0	9	8	8,3	Giỏi
49	Phạm Kim Chi	03/05/1991	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	9	8,7	Giỏi
50	Ngô Thị Dung	16/09/1989	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
51	Đinh Thị Duyên	02/03/1997	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	8	8,2	Giỏi
52	Trần Thị Duyên	28/09/1986	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	8	8,2	Giỏi
53	Phạm Thị Thu Hà	18/09/1987	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
54	Hoàng Thanh Hiền	17/01/2001	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	8	8,4	Giỏi
55	Vũ Thị Hiếu	03/01/1981	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	9	8,3	Giỏi
56	Nguyễn Thị Hòa	22/05/1984	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	8	8,0	Giỏi
57	Nguyễn Thị Hoan	05/08/1984	Nữ	8	9	8	9	8,5	8	9	8,5	Giỏi
58	Nguyễn Quang Huy	06/05/2003	Nam	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
59	Đỗ Thị Kiều Linh	30/08/2003	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi
60	Đỗ Thị Ngân	24/09/1985	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
61	Trần Thị Phượng	27/06/1994	Nữ	8	9	8	9	8,5	8	9	8,5	Giỏi
62	Nguyễn Trần Quang	04/06/1984	Nam	9	8	9	8	8,5	9	10	9,1	Giỏi
63	Trần Quang Thái	26/10/2002	Nam	9	7	9	7	8,0	8	8	8,0	Giỏi
64	Đồng Thị Thảo	11/03/1988	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
65	Cao Thị Hồng Thúy	28/01/1984	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
66	Nguyễn Thị Vui	01/01/1989	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	8	8,4	Giỏi
67	Trần Thị Thanh Xuân	18/12/1993	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	10	9,0	Giỏi
68	Phạm Thị Yến	12/11/1987	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	10	9,0	Giỏi
IV	**Y SỸ 9A**											
69	Phạm Đức Cường	27/11/2000	Nam	9	7	9	7	8,0	9	8	8,3	Giỏi

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm kiểm tra				Điểm TBC điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra kết thúc môn học		Điểm tổng kết môn học	Xếp loại
				Điểm T.xuyên		Điểm Định kỳ			Học phần Q.Sự	Học phần C.Trị		
				Q.Sự	C.Tri	Q.Sự	C.Tri					
70	Nguyễn Trà Giang	21/02/2003	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
71	Nguyễn Hồng Hạnh	26/08/2003	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
72	Nghiêm Nghĩa Hiệp	04/05/2003	Nam	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
73	Đỗ Tiến Hùng	11/09/2003	Nam	9	8	9	8	8,5	8	9	8,5	Giỏi
74	Đỗ Thu Huyền	08/07/2003	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	7	7,5	Khá
75	Nguyễn Thị Thu Hương	08/10/2002	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	8	8,2	Giỏi
76	Nguyễn Thị Ngọc Lan	20/12/2003	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	10	9,0	Giỏi
77	Đoàn Thanh Lịch	26/11/1993	Nam	9	6	9	6	7,5	8	8	7,8	Khá
78	Nguyễn Phú Linh	07/09/2001	Nam	9	6	9	6	7,5	8	8	7,8	Khá
79	Nguyễn Đặng Tuấn Phong	17/11/2003	Nam	9	6	9	6	7,5	8	9	8,1	Giỏi
80	Đinh Hoàng Phúc	10/07/2003	Nam	9	6	9	6	7,5	8	8	7,8	Khá
81	Nguyễn Văn Quyến	09/09/2003	Nam	9	6	9	6	7,5	8	10	8,4	Giỏi
82	Đỗ Quốc Việt	02/08/2003	Nam	8	7	8	7	7,5	9	8	8,1	Giỏi
83	Nguyễn Thị Yến	15/01/2002	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	8	8,0	Giỏi
V	**Y SỸ 9B**											
84	Trần Mạnh Cường	13/10/2003	Nam	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
85	Phạm Thành Đạt	19/01/2003	Nam	8	7	8	7	7,5	8	10	8,4	Giỏi
86	Vũ Thị Tuyết Hà	23/04/2003	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	9	8,5	Giỏi
87	Trương Mậu Hiếu	19/12/2003	Nam	9	6	9	6	7,5	8	8	7,8	Khá
88	Đào Khánh Huyền	20/07/2003	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
89	Trần Văn Khanh	08/05/2002	Nam	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
90	Bùi Thế Lâm	01/01/1998	Nam	8	7	8	7	7,5	8	7	7,5	Khá
91	Bùi Duy Mạnh	02/08/2003	Nam	9	6	9	6	7,5	9	10	8,7	Giỏi
92	Vương Thị Hoài Phương	27/03/2003	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi
93	Nguyễn Minh Quân	01/04/2003	Nam	9	6	9	6	7,5	8	8	7,8	Khá
94	Hoàng Duy Tùng	14/10/1995	Nam	8	7	8	7	7,5	8	10	8,4	Giỏi

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm kiểm tra				Điểm TBC điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra kết thúc môn học		Điểm tổng kết môn học	Xếp loại
				Điểm T.xuyên		Điểm Định kỳ			Học phần Q.Sự	Học phần C.Trị		
				Q.Sự	C.Tri	Q.Sự	C.Tri					
VI	**ĐIỀU DƯỠNG LIÊN THÔNG 10A**											
95	Nguyễn Kim Anh	01/11/1987	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi
96	Bùi Thị Chi	20/11/1996	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	10	8,6	Giỏi
97	Phùng Quốc Duy	05/05/1995	Nam	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
98	Trần Thu Hà	09/07/1985	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	8	8,0	Giỏi
99	Vũ Thu Hà	05/04/1995	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	10	8,4	Giỏi
100	Phạm Thị Hoan	28/04/1991	Nữ	9	6	9	6	7,5	8	7	7,5	Khá
101	Lưu Thị Lan Hương	29/06/1982	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	9	8,3	Giỏi
102	Nguyễn Thị Hương	17/01/1992	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	10	8,6	Giỏi
103	Bùi Thị Thu Hường	27/11/1992	Nữ	9	9	9	9	9,0	8	9	8,7	Giỏi
104	Nguyễn Thị Ngọc Lan	09/06/1986	Nữ	9	8	9	8	8,5	9	9	8,8	Giỏi
105	Vũ Thị Luyến	20/02/1988	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
106	Nguyễn Thị Nga	23/01/1976	Nữ	9	7	9	7	8,0	9	8	8,3	Giỏi
107	Nguyễn Hồng Nhung	03/08/1995	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi
108	Đào Thị Nữ	10/07/1990	Nữ	8	7	8	7	7,5	9	10	8,7	Giỏi
109	Đoàn Thị Thanh Phương	03/08/1995	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	8	8,0	Giỏi
110	Vũ Thị Kim Phượng	06/03/1993	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	9	8,5	Giỏi
111	Nguyễn Thị Thiên	27/09/1985	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	10	8,8	Giỏi
112	Nguyễn Thị Thu	14/11/1995	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	8	8,2	Giỏi
113	Ngô Thị Thúy	13/01/1985	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	9	8,3	Giỏi
114	Trần Thị Thu Trang	16/10/1990	Nữ	9	6	9	6	7,5	8	10	8,4	Giỏi
VII	**ĐIỀU DƯỠNG LIÊN THÔNG 10B**											
115	Trần Thị Vân Anh	09/09/1996	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	8	8,2	Giỏi
116	Nguyễn Mạnh Cường	16/05/1991	Nam	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
117	Lương Thị Đông	27/02/1995	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	9	8,3	Giỏi
118	Nguyễn Thu Hà	19/01/1991	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	7	7,7	Khá

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm kiểm tra				Điểm TBC điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra kết thúc môn học		Điểm tổng kết môn học	Xếp loại
				Điểm T.xuyên		Điểm Định kỳ			Học phần Q.Sự	Học phần C.Trị		
				Q.Sự	C.Tri	Q.Sự	C.Tri					
119	Trần Thị Huyền	15/08/1989	Nữ	9	8	9	8	8,5	8	9	8,5	Giỏi
120	Ngô Thị Hương	25/11/1998	Nữ	9	7	9	7	8,0	8	9	8,3	Giỏi
121	Nguyễn Thị Thu Hương	17/02/1988	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	8	8,0	Giỏi
122	Nguyễn Thị Thùy Liên	28/09/1991	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	8	7,8	Khá
123	Vũ Thị Trà My	10/12/1996	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	10	8,4	Giỏi
124	Đào Thị Hồng Nhung	06/08/1993	Nữ	9	6	9	6	7,5	8	8	7,8	Khá
125	Trần Trung Ninh	02/01/1991	Nam	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi
126	Đào Thị Phương	09/10/1995	Nữ	8	7	8	7	7,5	9	10	8,7	Giỏi
127	Nguyễn Thị Phượng	23/06/1987	Nữ	8	8	8	8	8,0	8	8	8,0	Giỏi
128	Nguyễn Thị Thanh Tâm	26/01/1993	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi
129	Phạm Thị Thơ	10/04/1985	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi
130	Nguyễn Thị Thủy	06/09/1989	Nữ	9	6	9	6	7,5	8	7	7,5	Khá
131	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/04/1996	Nữ	8	7	8	7	7,5	8	9	8,1	Giỏi

Tổng số: 131 sinh viên. Trong đó:

- Giỏi: 108
- Khá: 23

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC QUÂN SỰ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Đại tá Phạm Đình Thắng